

QUYỀN 67

Hỏi: Tuy nói ngã tướng sinh khởi đều có nguyên do, nhưng đều là tình chấp thô nặng của phàm phu và ngoại đạo. Như thế nào là ngã chấp, pháp chấp vi tế của người tu theo Phật giáo ?

Đáp: Pháp chấp khó trừ, lại là vi tế, vì pháp chấp là gốc, ngã chấp là ngọn, do đó pháp ái chưa dứt thì trầm luân mãi mãi; viên chúng niết-bàn vẫn là người còn ngã kiến. Trong kinh Viên Giác, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng bạch Phật: Đại bi Thế Tôn, xin vì chúng con rộng nói tất cả hành tướng nhân địa bất khả tư nghì của Như Lai khiến cho đại chúng được điều chưa từng có, nhìn thấy đáng Điều Ngự dụng công cần khổ trải qua Hàng sa kiếp dường như trong một niệm, Bồ-tát chúng con rất vui mừng được khích lệ. Bạch Thế Tôn, nếu bản tính giác tâm này thanh tịnh do đâu nhiễm ô khiến cho các chúng sinh mê muội chẳng vào được (...)

Phật dạy: Nay thiện nam, tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay vọng tưởng chấp có ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng, nhận bốn thứ điên đảo làm ngã thể chân thật, do đây liền sinh yêu ghét. Nơi thể hư vọng lại chấp hư vọng, hai vọng nương nhau sinh ra vọng nghiệp, có vọng nghiệp nên vọng thấy lưu chuyển, do chán lưu chuyển nên vọng thấy niết-bàn. Do đây chẳng thể vào thanh tịnh giác, chẳng phải sự giác ngộ chống lại người năng nhập, vì người thể nhập tính giác chẳng phải tính giác nhập vào người, thế nên động niệm và dứt niệm đều quy về mê muội, vì sao ? Do có vô thủy vô minh làm chủ thể chính mình, tất cả chúng sinh sinh ra không có con mắt trí tuệ, bản chất của thân tâm đều là vô minh, như có người chẳng tự cắt đứt mạng sống, do đó nên biết có ái ngã thì ngã cùng với tùy thuận, phi tùy thuận liền sinh yêu ghét, vì tâm yêu ghét nuôi dưỡng vô minh dù nỗ lực bền bỉ cầu đạo cũng chẳng thành tựu.

Nay thiện nam, thế nào là ngã tướng ? Đó là tâm sở chúng của chúng sinh. Nay thiện nam, như có người xương cốt điều hòa không

để ý đến thân, khi tứ chi co duỗi trái khớp thì cần phải chiêm cứu nên biết có ngã, vì thế chúng nghiệm mới hiện ngã thể.

Này thiện nam, tâm ấy cho đến chúng Như Lai, rốt ráo đạt đến niết-bàn thanh tịnh đều là ngã tướng.

Này thiện nam, thế nào là nhân tướng ? Đó là tâm chúng ngộ của chúng sinh. Này thiện nam, ngộ có ngã là chẳng còn chấp ngã, sở ngộ chẳng phải ngã, năng ngộ cũng như thế. Ngộ đã siêu việt tất cả sự chúng đắc đều là nhân tướng.

Này thiện nam, tâm ấy cho đến viên ngộ niết-bàn đều là ngã. Tâm còn chút ngộ sắp chứng lý đều là nhân tướng.

Này thiện nam, thế nào là chúng sinh tướng ? Đó là nơi tự chúng ngộ mà tâm chúng sinh không đến được. Này thiện nam, ví như có người nói rằng: Ngã là chúng sinh, thì biết người ấy nói chúng sinh phi ngã, phi bỉ. Thế nào là phi ngã ? Vì ngã là chúng sinh thì chẳng phải là ngã. Thế nào là phi bỉ ? Vì ngã là chúng sinh thì chẳng phải là bỉ. Này thiện nam, chúng sinh liễu chúng, liễu ngộ đều là ngã nhân; rõ biết chỗ chẳng đến của ngã tướng và nhân tướng, gọi là chúng sinh tướng.

Này thiện nam, thế nào là thọ giả tướng ? Đó là sự biết rõ của tâm giác chiếu thanh tịnh của chúng sinh mà tất cả nghiệp trí chẳng tự thấy cũng như mạng căn.

Này thiện nam, nếu tâm soi thấy tất cả giác đều là trần cấu, vì năng giác và sở giác chẳng lìa trần; như nước nóng làm tan băng, không riêng có băng. Biết băng tan thì còn ngã, biết ngã cũng như thế.

Này thiện nam, chúng sinh đời mạt pháp chẳng rõ bốn tướng, tuy trải qua nhiều kiếp cần khổ tu đạo, chỉ gọi là hữu vi, trọn chẳng thể thành tựu Thánh quả. Đối với hai chấp ngã pháp này kinh luận đều có cách đối trị trợ nghiệp nhuận sinh, thuận tình phát ái. Nhảm trên thức thứ sáu, thứ bảy vọng khởi căn do, hướng trong căn trần gượng làm chủ tể, củng cố cương giới của dị sinh, làm đạo sư của phiền não, lập cội nguồn của sinh tử, tạo nền tảng của khổ đau, hoại

kho báu chính pháp, trái diệu tông thành Phật, lấp bèn bờ niết-bàn, làm mù mắt trí bát-nhã, chướng đại đạo bồ-đề, đoạn chính nhân giải thoát, trái giác hiệp trần không gì hơn đây.

Trên đây rộng dẫn kinh luận đề bài bác phân minh, mong dứt gốc nghi, tiêu trừ băng chấp thì chính tu có lối, công phu chẳng luống bỏ, một niệm chứng chân toàn thành giác đạo.

Hỏi: Người chẳng rõ duy thức vọng chấp ngã pháp, trong Thánh giáo tại sao lại nói có ngã pháp ?

Đáp: Đối cơ giả lập bày, chẳng phải như tình chấp. Giả có hai thứ:

1- Vô thể tùy tình giả: đây là chỗ chấp của phần lớn thế gian và ngoại đạo, tuy không như chỗ chấp ngã pháp trên nhưng tâm duyên theo chấp cũng gọi là ngã pháp, nên nói là giả.

2- Hữu thể thi thiết giả: Thánh giáo nói tuy có pháp thể mà chẳng phải ngã pháp, bản thể vô danh gượng gọi là ngã pháp, chẳng khế hợp pháp thể, tùy duyên lập bày nên nói là giả.

Nói chung phàm Thánh có sáu thứ ngã:

1- Chấp ngã: nghĩa là phân biệt và câu sinh nơi địa vị phàm phu.

2- Mạn ngã: nghĩa là chỉ có câu sinh nơi địa vị hữu học.

3- Tập khí ngã: nghĩa là tập khí của hai ngã chấp nơi địa vị vô học.

4- Tùy thế lưu bố ngã: nghĩa là chư Phật giả nói theo thế gian.

5- Tụ tại ngã: nghĩa là tám tụ tại, lấy hậu đặc trí của Như Lai làm tính.

6- Chân ngã: nghĩa là chân như thường, lạc, ngã, tịnh, lấy chân như làm tính.

Ngã trong viên giáo bao gồm ba thứ ngã sau.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của hai thứ vô ngã ?

Đáp: Nhân ngã kiến như lục ấm, thất tình, rốt ráo vô thể. Pháp ngã kiến như thành càn-thát-bà, sóng nắng hoàn toàn chỉ là không. Như kinh luận nói về hai thứ vô ngã:

1- Nhân vô ngã: Phạm âm là Bồ-đặc-già-la, Trung Hoa dịch là sở thủ thú, nghĩa là các hữu tình khởi hoặc tạo nghiệp là năng thủ, sẽ đi đến năm đường gọi là thú. Tuy luôn luôn khởi hoặc tạo nghiệp luân hồi trong năm đường đều thật không có chủ thể tác dụng tự tại, nên gọi là vô ngã.

2- Pháp vô ngã: nghĩa là các pháp thể tuy gìn giữ nguyên tắc để hiểu biết sự vật nhưng thật không có tính thù thắng tác dụng tự tại nên nói vô ngã.

Hỏi: Cháp có ngã kiến tuy thuận sở duyên nhưng là thể điên đảo, tâm vô ngã thành tự thắng thiện gì ?

Đáp: Rõ được lý hai thứ vô ngã, chúng hội chân như là chính tông thành Phật, là diệu đạo siêu phàm công đức pháp lợi ấy thật khó lường, Cổ đức nói: “Tâm vô ngã tuy chẳng phù hợp cảnh, vì trái duyên nên gọi là phi điên đảo”. Như duyên chân như khởi kiến giải có chân như, đây là pháp chấp; còn không có kiến giải thì tuy chẳng phù hợp chân như nhưng vẫn là nhân để thành Thánh.

Giải thích:

Nếu khởi kiến giải về chân như đây là pháp chấp, nghĩa là nếu có tâm hay hiểu biết liền lập ra lý sở chứng; cảnh đã lập thì mê tâm hiện lượng, tri giải vừa sinh liền thành tỷ lượng đều là pháp chấp, đánh mất tông duy thức. Do đó *kinh Hoa Nghiêm* nói: “Ngoài trí không có chân như là trí sở nhập; ngoài chân như không có trí hay chứng chân như thì tâm cảnh như như, một đạo thanh tịnh”. *Luận Quảng Bách Môn* nói: “Thức hay phát sinh các phiền não, nghiệp hay dẫn dắt đời sau”. Như vậy thức tâm duyên sắc v.v... khởi; nếu không cảnh sở duyên thì thức hẳn chẳng sinh. Nếu hay chính quán cảnh là vô ngã thì sở duyên đã không nên năng duyên cũng không. Năng sở đã hết thì các nỗi khổ không còn, chúng niết-bàn thanh tịnh tịch tĩnh. Lúc đến địa vị này gọi là tự lợi đầy đủ; bản nguyện của hữu tình là đem lợi ích cho người khác nên trụ trong địa vị này có công dụng giáo hóa vô tận, cũng khiến có thức trụ niết-bàn này. Thế

nên muốn cầu phương tiện chân thật lợi ích thù thắng tự tha cần phải siêng tu lý không vô ngã.

Hỏi: Theo kinh Đại Niết-bàn, Phật nói có đạo lý Phật tính chân ngã, chư Bồ-tát đều nên sám hối: “Chúng con từ vô lượng kiếp đến nay thường bị trôi lăn nơi vô ngã”. Nay nói nhiều về vô ngã thì trái với giáo lý trong kinh Niết-bàn chăng ?

Đáp: Nói vô ngã là phá phàm phu ngoại đạo mê muội lý duy thức, vọng chấp ngoài tâm thật có ngã pháp, như đại khái có ba hạng ngoại đạo chấp trước:

1- Tăng-khư v.v... chấp ngã thể thường hằng đầy khắp lượng đồng hư không, tùy chỗ tạo nghiệp thọ khổ vui v.v...

2- Ni-kiền-tử chấp ngã thể tuy thường mà lượng bất định, tùy theo lớn nhỏ có linh động.

3- Biên xuất chấp ngã thể thường, cho đến nhỏ xíu như một cực vi ngâm vận chuyển trong thân tạo nghiệp.

Chín mươi loại chấp ngã còn lại chẳng khác ba chấp này, những vọng chấp này đều không có đạo lý, chỉ thành tà tư của năm kiến chấp, làm sao bằng chân ngã của bốn đức ?

Như *kinh Niết-bàn* ghi: “Ngoại đạo nói: Theo như Cù-đàm nói vô ngã và ngã sở, vì sao lại nói thường lạc ngã tịnh ? Phật bảo: Nay thiện nam, ta cũng chẳng nói lục nhập và lục thức trong ngoài thường lạc ngã tịnh. Ta chỉ nói diệt trừ sáu thức được sinh ra từ lục nhập trong ngoài gọi đó là thường; vì thường nên gọi đó là ngã; có thường và ngã nên gọi là lạc; vì thường, ngã, lạc nên gọi là tịnh”.

Chân ngã là nghĩa Phật tính, thường hằng bất biến chẳng phải sở sinh của sinh nhân; đầy đủ viên thành chỉ là sở liễu của liễu nhân.

Kinh lại nói: “Khi ấy, Thế Tôn khen ngợi các tỳ-kheo: Lành thay, lành thay! Các ông khéo hay tu tưởng vô ngã. Các tỳ-kheo liền bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, chúng con không chỉ tu tưởng vô ngã mà còn tu tập các tướng khác, đó là khổ tướng, vô thường tướng, vô ngã tướng. Bạch Thế Tôn, ví như người say rượu mê loạn thấy núi sông,

vách đá, cỏ cây, cung điện, nhà cửa, nhật nguyệt, tinh tú thấy đều quay cuồng. Bạch Thế Tôn, nếu người chẳng tu khổ tướng, vô thường tướng, vô ngã tướng thì chẳng gọi là Thánh, nhiều phóng dật lưu chuyển sinh tử. Bạch Thế Tôn, bởi nhân duyên này chúng con khéo tu các tướng ấy.

Bấy giờ, Phật bảo các tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, ông dẫn ra ví dụ người say là chỉ biết văn tự mà chưa đạt ý nghĩa. Những gì là ý nghĩa ? Như người say thấy nhật nguyệt thật ra chẳng quay cuồng mà cảm thấy quay cuồng. Chúng sinh cũng thế, bị các phiền não vô minh che lấp nên sinh tâm điên đảo, ngã chấp vô ngã, thường chấp vô thường, tịnh chấp bất tịnh, lạc chấp là khổ, vì bị phiền não che chướng nên tuy sinh ra các tướng này nhưng chưa đạt được ý nghĩa, như người say đối với chỗ chẳng quay cuồng mà sinh tưởng quay cuồng.

Ngã là nghĩa Phật, thường là nghĩa pháp thân, lạc là nghĩa niết-bàn, tịnh là nghĩa pháp. Các tỳ-kheo, lại sao nói có ngã tướng là kiêu mạn cống cao lưu chuyển sinh tử. Nếu các ông nói tôi tu tập các tướng vô thường, khổ, vô ngã là ba pháp tu không có thật nghĩa, hôm nay ta sẽ nói ba pháp tu thù thắng. Khổ cho là vui, vui cho là khổ, đây là pháp điên đảo; vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, đây là pháp điên đảo; vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, đây là pháp điên đảo; bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, đây là pháp điên đảo. Nếu người có bốn pháp điên đảo này thì chẳng biết chính tu các pháp. Các tỳ-kheo, trong pháp khổ sinh tướng lạc, trong pháp vô thường sinh tướng thường, trong pháp vô ngã sinh tướng ngã, trong pháp bất tịnh sinh tướng tịnh. Thế gian cũng có thường lạc ngã tịnh, xuất thế cũng có thường lạc ngã tịnh. Pháp thế gian có văn tự không có ý nghĩa; pháp xuất thế gian có văn tự có ý nghĩa. Vì sao ? Pháp thế gian có bốn thứ điên đảo nên chẳng biết ý nghĩa, bởi vì sao ? Vì có ba thứ điên đảo đó là tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Người thế gian trong lạc thấy khổ, nơi thường thấy vô thường, nơi ngã thấy vô ngã, nơi tịnh thấy bất tịnh,

đây gọi là điên đảo. Do điên đảo nên thế gian biết văn tự mà chẳng biết ý nghĩa. Thế nào là nghĩa? Vô ngã gọi là sinh tử, ngã gọi là Như Lai; vô thường là Thanh Văn, Duyên Giác, thường là pháp thân Như Lai; khổ là tất cả ngoại đạo; lạc là niết-bàn; bất tịnh là pháp hữu vi, tịnh là chính pháp của chư Phật Bồ-tát đây gọi là chẳng điên đảo. Bởi chẳng điên đảo nên biết văn tự biết ý nghĩa. Nếu muốn xa lìa bốn thứ điên đảo phải biết thường lạc ngã tịnh như thế.

Giải thích:

Mê bốn pháp chân thật khởi tám thứ điên đảo, đều là nhân ngã kiến và pháp ngã kiến là then chốt của sinh tử, là cội gốc của phiền não, trở thành bẫy rập của chín kết, mở toang nghiệp đạo của mười sử.

Nhị thừa tuy dứt nhân ngã mà thường bị trôi nổi nơi vô ngã; ngoại đạo nhận lầm thức thân luôn bị luân chuyển nơi ngã hư vọng. Do đó đoạn trên nói vô ngã gọi là sinh tử, vì mê mọi môn nhất chân ngã nên không có sức đại tự tại; ngã gọi là Như Lai, vì đạt được diệu lý của Phật tính, nối tiếp đại đạo như thật. Vô thường là Thanh Văn, Duyên giác, vì tu nhân hư vọng sinh diệt, chứng tiểu quả khô héo; thường là pháp thân Như Lai, vì nhập chân tông bất động, hợp diệu thể viên thường. Khổ là tất cả ngoại đạo, vì tu khổ hạnh vô ích đọa vào vòng tà vạy sinh diệt; lạc là niết-bàn, vì dứt trừ nguồn vọng của nhị tử, nhập vào kho tàng bí mật của tứ đức. Bất tịnh là pháp hữu vi, vì tích tụ tình trần tạp nhiễm, trở thành sự việc hư huyễn; tịnh là chính pháp của chư Phật, Bồ-tát, là viên thuyên cứu cánh, giã lên chí đạo vô vi. Cho nên ngoại đạo chấp có ngã kiến như nấu cát muốn thành cơm, nhận vọng làm chân; nhị thừa chứng môn vô ngã như nắm đá thành ngọc, cho thường là đoạn, đều chẳng đạt được trong vô ngã có chân ngã.

Lại nữa, thường lạc ngã tịnh chỉ là một pháp, vì tâm tính chẳng biến đổi nên thường, thường nên lạc, lạc nên ngã, ngã nên tịnh. Vì chẳng rõ tâm tính thường trụ nên ngoài tâm riêng cầu có cái được tạo tác, vì tạo tác nên vô thường, vô thường nên vô lạc, vô

lạc nên vô ngã, vô ngã nên vô tịnh. Vì sao ? Vì vô thường biến đổi chỉ toàn chịu khổ làm sao có lạc ? Đã không được lạc, luôn bị trôi buộc chẳng được tự tại làm sao thành ngã! Đã chẳng thấy Phật tính chân ngã, chạy theo duyên nhiễm làm sao được tịnh!

Phân tích như trên đều là một thời thuộc giáo môn, nơi đây chẳng thể chấp nhất định là hữu vô, mê muội phương tiện.

Luận Quảng Bách nói: “Vì ngăn tà kiến và bác không có niết-bàn nên nói thật có thường lạc ngã tịnh”. Đây là phương tiện nói “chẳng nên định chấp”, đã chẳng chấp có cũng chẳng bác không, như vậy mới là chính trí giải thoát.

Hỏi: Ngoại trần vô thể, duy thức lý thành, chính giáo rõ ràng, diệu chỉ chính xác. Hiện tại phạm phu chấp trước chạy theo vọng tình, với tâm kiến văn và sức huân tập phần lớn chấp cảnh hiện tiền khó dứt hoài nghi. Đoạn trước tuy đã nói nhiều nhưng vẫn lo chưa tin nên muốn trình bày lại để phá tình chấp ?

Đáp: Pháp tính vô lượng, người chứng được có hạn; chân như tướng không nhưng chấp lấy thì có hình ngại. Như *Hoàn Nguyên Quán* ghi: “Chân không dừng nơi tâm luôn làm chỗ của duyên lự, thật tế trước mắt trở thành cảnh của danh tướng”. *Khởi Tín Sao* ghi: “Nếu là duy tâm thì chẳng hợp có cảnh, vì tâm vô tướng chẳng thể thấy. Nếu đã có chỗ thấy làm sao duy tâm?”. Ý nói: tất cả pháp từ tâm khởi, chỗ khởi vô thể chính là nhất tâm, cần gì nói thấy và chẳng thấy, vì căn bản là tâm.

Lại nói: “Cảnh vốn chẳng phải thiện, chỉ vì thuận theo tình cảm của mình thì gọi là thiện; cảnh vốn chẳng phải ác, chỉ vì trái với tình cảm của mình thì gọi là ác, cho nên biết đẹp xấu theo tình, cảnh không có thể cố định. Đã không có tự thể làm gì có cảnh, môn duy tâm từ đây sáng tỏ”. Do đó Phật vì người tin mà nói, chẳng vì người nghi mà ban bố chính pháp. Người cầu nặng chướng sâu tự sinh hoài nghi hủy báng, người tội nhẹ căn cơ lạnh lợi chóng nhập huyền vi.

Luận Quang Bách ghi: “Những điều được thấy đều do thức làm ra, lìa thức không có một pháp là thật. Từ vô thủy đến nay luôn tập hợp các kiến chấp, tùy nơi tập hợp kiến chấp, tùy chỗ gặp duyên, tùy theo chủng tử thành thực. Nếu sai biệt biến tựa sinh ra các thứ pháp tướng, như những việc xảy ra trong chiêm bao đều là vọng hiện không thật, tất cả đều do thức tâm làm ra.

Hỏi: Nếu vậy lẽ ra đại thừa phải như trong mộng bài bác tất cả pháp đều hư vọng, chẳng thể nói tất cả pháp thế gian và xuất thế gian tự tính sai biệt, thật là khổ thay! Chúng ta chẳng thể tùy hỷ pháp nghĩa hư giả mà đại thừa lập ra, vì tất cả pháp đều có thể hiện thấy, không thể bác là không có pháp hiện thấy ?

Đáp: Lạ thay, thật đáng thương! Người ngu phước mỏng không thể tin hiểu pháp nghĩa đại thừa, nếu có năng kiến có thể thấy sở kiến, năng kiến đã không thì ai thấy sở kiến ? Vì năng kiến chẳng thể tự xét nét chính mình, cũng chẳng thể xét nét người. Lúc xét nét năng kiến và sở kiến đều không có thật, vì thế chẳng nên chấp pháp hiện thấy quyết định có tự thể, vì lúc xoay về tâm các cảnh sở duyên đều hư giả. Tại vì sao ? Lúc khởi ức niệm thật ra không có các thứ cảnh giới, chỉ theo nhân duyên mà tự tâm biến tựa sinh ra các thứ cảnh tướng, vì ức niệm chẳng phải chân thật, chỉ có tên gọi ức niệm hư giả. Thể tướng của các pháp từng thay đổi, xoay tâm chạy theo ức tưởng nên gọi là niệm. Lúc đang ức niệm, những cảnh từng bị thay đổi đều không có; năng niệm cũng không mà gọi là niệm, đây là tùy thuận thói quen điên đảo mà tạm lập bày các kiến chấp. Do niệm này mà hữu tình thế gian vọng khởi các thứ tranh luận phân biệt, tranh chấp các pháp tự tính sai biệt, sa vào vũng bùn ác kiến không thể tự thoát ra. Nếu không thấy cũng không nghe thì tất cả đều không có thật, tại sao ngày nay kết đá thành bè ?

Luận Duy Thức hỏi: Y cứ vào lòng tin nói có bốn thứ: một là hiện kiến, hai là tỷ tri, ba là thí dụ, bốn là A-hàm.

Trong các thứ tín, hiện tín là hết hơn. Nếu không có ngoại cảnh, tại sao thế nhân nói hiện tại thấy các vật xanh vàng v.v... ?

Kệ đáp:

*Hiện thấy như chiêm bao
Thấy, bị thấy chẳng chung
Lúc thấy chẳng phân biệt
Tại sao nói hiện thấy ?*

Những phiền não của phàm phu trong chiêm bao đều như mộng, như hiện tại thấy sắc mà chẳng biết ý nghĩa của sắc, về sau ý thức phân biệt mới liễu tri, vì lúc ý thức phân biệt thì nhãn thức đã diệt trước, vì tất cả pháp niệm niệm chẳng dừng. Lúc thấy sắc thì không có ý thức, lúc ý thức khởi thì không có nhãn thức.

Luận Nhập Đại Thừa hỏi: Thể tướng của các pháp thế gian hiện tại thấy, tại sao nói không ?

Đáp: Người ngu vọng thấy việc này chẳng đáng tin, pháp sinh diệt đều là không. Lúc sinh diệt luân chuyển không ngừng nghỉ tương tựa tương tục nên vọng thấy có thật, như ánh sáng đèn niệm niệm sinh diệt mà người ngu cho là một ngọn lửa.

Luận Trung Quán hỏi: Các pháp môn của ông đều phá sự đi đứng nhưng mắt thấy có sự đi đứng ?

Đáp: Những điều mắt thịt thấy không thể tin, nếu thật có sự đến đi là để thành tựu một pháp, hay là để thành tựu hai pháp, cả hai đều có lỗi. Nhục nhãn là do nghiệp nhân quá khứ điên đảo tạo thành như mắt của bò dê chẳng thể phân biệt phương hướng, thật không thể tin, chỉ có Phật nhãn mới chân thật. Chỉ nên theo chân thật, chẳng nên dựa vào hư vọng.

Hỏi: Hiện tại thấy chúng sinh tạo nghiệp thọ báo việc ấy như thế nào ?

Đáp: Như người biến hóa không có thật, chỉ do mắt thấy. Lại nữa, người biến hóa khẩu nghiệp thuyết pháp, thân nghiệp bố thí v.v... Nghiệp ấy tuy không thật mà mắt thấy, việc sinh tử, nghiệp báo cũng như thế, các nghiệp đều không có thể tính như huyễn, như mộng.

Hỏi: Người thế gian đều thấy các pháp là có, là không, tại sao chỉ một mình ông trái với thế gian nói không thấy ?

Đáp: Nếu người chưa đắc đạo, chẳng thấy thật tướng của các pháp, do nhân duyên ái kiến nên có các thứ hí luận, khi thấy pháp sinh thì cho là thường, chấp tướng nói có, lúc thấy pháp diệt thì cho là đoạn, chấp tướng nói không. Người trí thấy các pháp sinh liền dứt cái thấy không, thấy các pháp diệt liền dứt cái thấy có, cho nên đối với tất cả pháp tuy có thấy nhưng đều như huyễn, như mộng; cho đến cái thấy về đạo vô lậu còn có thể diệt, huống là các cái thấy khác! Do đó nếu chẳng thấy pháp an ổn thì thấy hữu vô.

Luận Đại Trí Độ hỏi: Tất cả các pháp rỗng không như huyễn, vì sao ? Vì các pháp hiện hữu có thể thấy, có thể nghe, có thể ngửi, có thể nếm, có thể sờ, có thể nhận biết. Nếu các pháp không mà ta vọng thấy, sao chẳng thấy tinh nghe sắc. Nếu đều cùng một loại rỗng không không thật có, tại sao có cái thấy được và cái chẳng thấy được ?

Đáp: Các pháp tướng tuy không nhưng cũng có phân biệt cái thấy được, cái chẳng thấy được, như voi ngựa và các vật huyễn hóa tuy biết không thật nhưng sắc có thể thấy, thanh có thể nghe chẳng lẫn lộn nhau, vì đối đãi với lục tình. Các pháp cũng thế, tuy không thật mà có thể thấy, có thể nghe chẳng lẫn lộn nhau. Xét tường tận ý chỉ của luận này là y cứ chỗ thấy của phàm tình thế gian, do ba thứ nhãn căn, sắc trần, nhân thức hòa hợp được gọi là thấy. Căn, trần, thức tự tính đều không, mỗi thứ chẳng thể sinh cái thấy, hòa hợp cũng chẳng thể sinh cái thấy, nhưng sự thấy nghe đối với tình thức hư vọng chẳng không, cho nên kinh nói: “Phàm phu thấy là thế đế, bậc Thánh thấy là chân đế”. Thâm xét chân thật chẳng hư dối gọi là đế. Thế đế chẳng không chấp giả là đế, chân đế phi hữu chứng thật là đế.

Hỏi: Tất cả các pháp trong ngoài đều có nhiều loại, trong những loại ấy ước chừng có mấy thứ sai biệt và nghĩa tùy loại thông biệt ?

Đáp: Người xưa giải thích có năm loại:

I. Loại dị thực:

1- Thông: Tất cả cỏ cây ban đầu xanh tươi về sau héo vàng, chẳng phải dị thực sao ?

2- Biệt: Chỉ có hai nghiệp thiện và ác cảm quả dị thực.

II. Loại trưởng dưỡng:

1- Thông: Tất cả đều có trưởng dưỡng.

2- Biệt: Chỉ có ăn, uống, ngủ nghỉ, phạm hạnh đem lại sự lợi ích.

III. Loại đẳng lưu:

1- Thông: Tất cả tự loại như nhau đều cùng một loại.

2- Biệt: Chỉ có nhân đồng một loại sinh ra.

IV. Loại thật sự:

1- Thông: Tất cả các pháp có thể tính.

2- Biệt: Chỉ là vô vi lược bỏ hữu vi chẳng phải là thật sự.

V. Loại sát-na:

1- Thông: Tất cả pháp có sinh diệt.

2- Biệt: Hữu tình ở khắp trong ba cõi, tại sao kinh Duy-ma nói lấy thức xứ làm chủng tử ?

Đáp: Hữu tình gồm phàm và Thánh, có 62 thân hữu tình; căn cứ vào chỗ nương tựa có 42 chỗ ở. Nếu thông môn do nghiệp ràng buộc, lạc và khổ cùng ở chung tại thất thức tâm trụ là thức tâm, chỉ có lạc trụ nơi thất xứ.

Bốn mươi hai chỗ ở, đó là tám chỗ địa ngục, bàng sinh, nga qui, bốn châu, sáu cõi trời dục giới, 18 cõi trời sắc giới, 4 cõi trời vô sắc giới.

Thất thức xứ:

1- Chủng chủng thân chủng chủng tướng:

Chủng chủng thân là trời người ở cõi Dục có tôn ti thượng hạ; chủng chủng tướng là có ba loại thọ tướng: khổ, lạc, xả.

2- Chủng chủng thân nhất tướng chủng chủng thân:

Nơi cõi Sơ thiên Phạm vương là tôn quý, Phạm chúng là thấp hơn, nên có chủng chủng thân. Nhất tướng là có một tướng giới thủ. Phạm vương tự cho mình hay sinh các Phạm chúng, Phạm chúng cho rằng mình do Phạm vương sinh, chẳng phải nhân mà chấp là nhân gọi là giới thủ.

3- Nhất thân chủng chủng tướng:

Nhất thân là từ Nhị thiên trở đi không còn tôn ti thượng hạ. Chủng chủng tướng là có tướng hỷ lạc.

4- Nhất thân nhất tướng:

Nhất thân là Tam thiên không còn tôn ti thượng hạ. Nhất tướng là chỉ có một tướng lạc. Từ không thức trở lên không có thân chỉ có một tướng.

5- Không xứ chỉ có một không tướng.

6- Thức xứ chỉ có một thức tướng.

7- Vô sở hữu xứ chỉ có một tuệ tướng.

Bảy thức xứ trên đây đối trị chấp thức là ngã của chúng sinh ưa thích trụ bảy chỗ, lấy năm âm hữu lậu làm thể.

Đệ tứ thiên có vô tướng định, trong cõi phi tướng có diệt tận định, trong ba đường ác hay chịu các khổ, thức chẳng trụ nơi lạc nên chẳng nói.

Đệ tứ thiên và cõi phi tướng tuy diệt thức nhưng chẳng diệt giả danh chúng sinh ở, do đó chẳng lập. Trong ba đường ác bị khổ bức bách, nơi chúng sinh không thích ở cho nên chẳng lập.

Hỏi: Phá ngoại cảnh không, lập duy thức có; cảnh từ đâu không, thức từ đâu có ?

Đáp: Cảnh tùy tình khởi, thức theo duyên sinh, tình là tâm biến kế, duyên là tính y tha. Duyên pháp là có, nương nơi môn thắng nghĩa; tình chấp vốn không trở về đạo thế tục.

Luận Duy Thức nói: “Vì ngoại cảnh theo tình lập bày nên chẳng phải có như thức; nội thức hẳn nương vào nhân duyên sinh nên chẳng phải không như cảnh, do đây ngăn trừ hai chấp tăng

giảm, vì cảnh nương nội thức tạm lập nên có tục đế; thức là chỗ nương của cảnh hư giả nên có thắng nghĩa.

Giải thích:

Ngoại cảnh là biến kế sở chấp, ngoài tâm có thật cảnh; do theo vọng tình lập bày là giả, thật thể là không chẳng phải giống như nội thức y tha, vì nội thức thể là y tha thì phải nương vào nhân duyên chủng tử sinh, chẳng phải thể nó hoàn toàn không như cảnh biến kế. Ngã pháp thật ấy như lông rùa thức y tha có nên chẳng thuộc loại ấy. Hai phần kiến tướng của sắc v.v... trong đây đều do nội thức biến ra; vì chẳng lìa thức nên gọi chung là nội thức. Do đây nội thức thể tính chẳng phải không, ngã pháp ngoài tâm thể tính chẳng phải có, đây là ngăn ngoại đạo chấp cảnh lìa tâm thật có chấp tăng giảm, và ngăn người tà kiến ác thủ không bác thức cũng không vọng không giảm chấp, tức là lìa không hữu nói pháp duy thức, có pháp ngoài tâm luân hồi sinh tử, giác biết nhất tâm dứt hẳn sinh tử, gọi là lý trung đạo vô thượng.

Hỏi: Cảnh chỉ có trong tục đế, thức gồm cả môn thắng nghĩa đế, thế nào là thế tục đế, thế nào là thắng nghĩa đế ?

Đáp: Tất cả đế trí đều từ vô đế khởi. Vô đế là chân tâm tuyệt đãi. Tuyệt đãi là chẳng phải đối có xung không, như hư không chẳng phải đối tiêu không xung là đại không. Từ vô đế lập ra nhất thật đế. Nhất thật là đối với ba quyền mà gọi nhất thật, đối với hư gọi là thật. Đây là đối đãi mà được tên.

Lại từ nhất thật này đối với y giáo, hoặc chia ra hai đế. Hai đế này triển khai từ trên tình trí. Như *kinh Niết-bàn*: “Những điều bậc xuất thế biết gọi là đệ nhất nghĩa đế; những điều người thế gian biết gọi là thế đế”.

Kinh Nhân Vương ghi: “Nơi kiến giải thường tự một, nơi chân lý thường tự hai”. Do đó kinh Nhân Vương tuy chia hai đế mà trí chiếu thường một; niết-bàn vốn chỉ một đế, mê ngộ phân làm hai; đây là hai mà chẳng hai, chẳng hai mà hai; một hai tự tại là hai đế chân thật. Cho nên người xưa có bài tụng:

*Hai đế chẳng phải hai
Hằng trái chưa từng khác.*

Là nghĩa này vậy. Ngài Đạo Sinh nói: “Vì chẳng phải đôi đũa nhau nên có tên gọi chân tục”. *Nhiếp luận* đời Lương nói: “Trí chướng rất mờ tối, đó là chấp chân tục khác biệt”. Pháp tướng chuyên phân tích, pháp tính chú trọng dung thông, đều y cứ một môn chớ nên thiên lệch. Vì sao ? Nếu chỉ phân tích mà chẳng dung thông thì pháp trở thành sai biệt; nếu chẳng phân tích thì pháp sẽ thành hỗn độn. Còn không thể dung thông thì tính tướng rõ ràng mà chẳng khác; sự lý dung tức mà chẳng phải đồng; chẳng phải khác, chẳng phải như diệu lý viên trung.

Lại cảnh chẳng ngại chân mà hằng tục, trí chẳng ngại tịch mà thường chiếu. Nghĩa là tâm tịch đối với cảnh chân, tâm chiếu đối với cảnh tục. Vì chiếu đối tục thì tâm cảnh chẳng phải một; vì tịch đối chân thì tâm cảnh chẳng phải khác. Tuy dung nhiếp hai cảnh không hữu và hai tâm tịch chiếu nhưng trọn không thể nói: cảnh chẳng ngại chân mà hằng tục, trí chẳng ngại chiếu mà hằng tịch; cảnh chẳng ngại tục mà hằng chân, trí chẳng ngại tịch mà hằng chiếu.

Luận Trung Quán có bài kệ:

*Nếu người chẳng thể biết
Phân biệt được nhị đế
Nơi Phật pháp thâm thâm
Chẳng biết nghĩa chân thật.*

Luận Kim Cang Bát-nhã Bát Hoại Giả Danh ghi: “Phật nói pháp đều quy về nhị đế: một là tục đế, hai là chân đế. Tục đế là bao gồm phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai cho đến danh nghĩa trí cảnh nghiệp quả. Chân đế là đối với tất cả pháp đều vô sở đắc, như nói đệ nhất nghĩa chẳng phải là chỗ vận hành của trí, hướng là văn tự cho đến vô nghiệp, vô nghiệp quả là chủng tính của các bậc Thánh”. Cho nên trong *Bát-nhã ba-la-mật* nói bố thí chẳng trụ tướng, tất cả pháp vô tướng không thể nắm lấy, không thể diễn

nói; sinh pháp vô ngã vô sở đắc, không thể chứng, không thể thành, không đến không đi v.v... đây là nói về chân đế.

Lại nói tất cả pháp tướng nội ngoại thế gian, xuất thế gian và các công đức, đây là lập ra tục đế.

Lại Thiên Thai giáo y cứ tứ giáo, tứ chứng, tam tiếp lập ra bảy thứ nhị đế và năm thứ tam đế, như *Pháp Hoa Huyền Nghĩa* nói: “Kinh luận dị thuyết đều là phương tiện khéo léo của Như Lai, biết căn biết dục các thứ chẳng đồng đại khái có ba sự khác biệt: 1- Tùy tình, 2- Tùy tình trí, 3- Tùy trí”.

Tùy tình nghĩa là tính tình bất đồng nói tùy tình khác biệt, như luận Tỳ-bà-sa nói thế đệ nhất pháp có vô lượng thứ, chân tế còn thế hướng là những thứ khác ? Như thuận theo những người mù chỉ cho biết sữa, người mù nghe nói khác nhau liền tranh cãi về màu trắng của sữa, nhưng đâu phải sữa ? Các sư chẳng thông đạt ý này, mỗi sư chấp một kiểu, rồi tự khởi kiến chấp, thị phi lẫn nhau, tin một, chẳng tin một, hỗn loạn lắm thay, chẳng biết ai đúng!

Ba thuyết thế gian và người hay đả phá có kinh văn làm chứng đều phán là nhị đế tùy tình; còn những điều không có kinh văn làm chứng thì là tà kiến, nghĩa là đồng với ngoại đạo thuộc về chẳng phải nhị đế.

Tùy tình trí, tình là nhị đế, nhị đều là tục. Nếu ngộ đế lý bèn là chân, chân thì chỉ có một, như năm trăm tỳ-kheo đều nói về nguyên nhân của thân, nguyên nhân của thân rất nhiều nhưng chính lý chỉ có một. Kinh nói: “Những điều thế gian biết gọi là thế đế, những điều người xuất thế biết gọi là đệ nhất nghĩa đế”. Đây là nhị đế tùy tình trí.

Tùy trí, bậc Thánh ngộ lý không chỉ thấy chân mà còn rõ tục, như con mắt lọt mây sẽ thấy sắc, thấy hư không. Lại như người nhập định, lúc xuất định, thân tâm rỗng rang như đám mây bồng bênh. Tâm bình thường chẳng tán loạn hướng chi ngộ chân mà chẳng rõ tục ? Tỳ-đàm nói: “Mây nhỏ phát chướng, mây lớn phát chướng, vô lậu càng sâu, thế trí càng tịnh”. Vì thế kinh có bài kệ:

*Phàm phu trong thế gian
Chẳng biết tướng thế gian
Như lai trong thế gian
Rõ biết tướng thế gian
Là nhị đế tùy trí.*

Nếu hiểu ba ý này, xét trong kinh luận tuy nói nhiều thứ nhưng nơi mỗi đế lý có đủ ba ý này.

Nay nói về nhị đế, y cứ vào ý nghĩa đại lược thì chỉ chọn pháp tính là chân đế, vô minh thập nhị nhân duyên là tục đế. Đối với nghĩa thì đầy đủ, chỉ do người thô thiển chẳng biết sự thâm diệu ấy, nếu cần khai thác thì luận về bảy thứ nhị đế, mỗi mỗi nhị đế lại mở ra ba thứ, hợp thành 21 thứ nhị đế.

Nếu dùng loại nhị đế đầu tiên phá trừ tất cả tà, nghĩa là các chấp trước đều dứt, như kiếp hỏa thiêu đốt không sót một hạt cải hướng chi các đế lý sau này trình bày bên ngoài kinh văn, tình chấp thế gian không thể suy lường được.

Bảy thứ nhị đế là:

- 1- Thật có là tục, thật có diệt là chân.
- 2- Huyền có là tục, huyền có không là chân.
- 3- Huyền có là tục, huyền có không, bất không là chân.
- 4- Huyền có là tục, huyền có tức không, bất không, tất cả pháp hướng đến không, bất không là chân.
- 5- Huyền có huyền có tức không gọi là tục, bất hữu bất không là chân.

6- Huyền có huyền có tức không gọi là tục; bất hữu bất không, tất cả pháp không hướng về bất hữu bất không là chân.

7- Huyền có huyền có tức không là tục, tất cả pháp hướng về hữu, hướng về không, hướng về bất hữu bất không là chân.

Thật có nhị đế, ám nhập giới đều là thật pháp, sum la vạn tượng do thật pháp làm thành nên gọi là tục; phương tiện tu đạo diệt hết các tục đế này bèn thể hội chân đế.

Kinh Đại Phẩm nói: “Không sắc sắc không, vì diệt sắc nên gọi là không sắc, vì chẳng diệt sắc nên gọi là sắc không. Trong bệnh không thuốc, trong vãn tự không bờ-đề”. Đây là thật có nhị đế, y theo đây cũng có ba nghĩa tùy tình trí v.v... Căn cứ vào điều này có thể biết nhị đế hữu không huyền hóa là bài bác ý trước. Vì sao ? Lúc thật có thì không chân, khi dứt có thì không tục, chẳng thành nghĩa nhị đế.

Nói về huyền có, huyền có là tục, huyền có bất khả đắc tức tục mà chân. *Kinh Đại Phẩm* nói: “Tức sắc là không, tức không là sắc”. Không sắc tương tức, thành nghĩa nhị đế, đây gọi là huyền có nhị đế. Y cứ theo đây cũng có ba nghĩa tùy tình, tùy tình trí, tùy trí. Tùy trí cần nên phân biệt, thế nào là thật có tùy trí chiếu chân cùng đây chẳng khác, tùy trí chiếu tục chẳng đồng. Thế nào là người theo thông giáo khéo nhập quán thì một phần chiếu tục cũng khéo như trăm sông chảy về biển cùng một vị mặn, một phần trở về nguồn sông thì vị sai khác. Tục là sự pháp chiếu soi sai biệt, chân là lý pháp luôn đồng. Y cứ người theo thông giáo ra khỏi cái giả thì cũng khác nhau, khả dĩ ý sánh được ba tạng, ra khỏi cái giả cũng phải như thế.

Huyền có không, bất không nhị đế, tục chẳng khác ở trước thì ba thứ bất đồng, một tục tùy ba chân thì thành ba thứ nhị đế. Tương ấy như thế nào ? Như *Đại Phẩm* nói “phi lậu, phi vô lậu”. Người đầu tiên cho rằng phi lậu là phi tục; phi vô lậu là phá trừ chấp trước. Thế nào là người tu hành duyên vô lậu sinh chấp trước, như duyên sinh diệt khiến phá trừ tâm trở về vô lậu, đây là một thứ nhị đế.

Người kế tiếp nghe nói phi lậu, phi vô lậu, cho rằng chẳng phải nhị biên riêng hiển bày lý trung đạo, lý trung đạo là chân, đây là một thứ nhị đế.

Lại có người nghe nói phi hữu lậu, phi vô lậu liền biết song phi chính hiển trung đạo. Lực dụng của pháp giới trung đạo rộng lớn đồng như hư không, tất cả pháp hướng về phi hữu lậu, phi vô lậu, đây là một thứ nhị đế.

Kinh Đại Niết-bàn nói: “Hàng Thanh văn chỉ thấy không, chẳng thấy bất không. Bậc trí thấy cả không và bất không”, chính là nghĩa này. Nhị thừa cho rằng vì phá chấp không nên nói bất không; nếu phá chấp không thì chỉ thấy không chẳng thấy bất không. Người lợi căn cho rằng bất không là diệu hữu nên nói bất không. Người lợi căn nghe nói bất không cho là Như Lai tạng, tất cả pháp hướng về Như Lai tạng, trở lại y cứ không và bất không thì có ba thứ nhị đế.

Lại nữa, tất cả pháp hướng về phi lậu, phi vô lậu hiển bày ba thứ sai biệt:

- Người thứ nhất nghe nói tất cả pháp hướng về phi lậu, phi vô lậu, các pháp chẳng là không, vận hành khắp mười phương cõi rồi trở lại như chiếc bình.

- Người thứ hai nghe nói tất cả hướng về thì biết lý trung đạo tất cả hạnh đều hướng về.

- Người thứ ba nghe nói tất cả hướng về phi lậu, phi vô lậu đầy đủ tất cả pháp.

Thế nên nói một tục theo ba chân chuyển, hoặc đơn giản đối với chân, hoặc phức tạp đối với chân, hoặc bất tư nghi đối với chân, vô lượng hình thể linh hoạt độ cơ, ra vào lợi vật, mỗi mỗi đều có ba nghĩa: tùy tình, tùy tình trí, tùy trí. Nếu tùy trí chứng tục thì lưu chuyển theo trí; trí chứng thiên chân liền thành nhị đế thông giáo; trí chứng bất không chân liền thành nhị đế biệt giáo nhập thế; trí chứng tất cả hướng về bất không chân liền thành nhị đế viên giáo nhập thông giáo. Ba người trên nhập trí bất đồng, một phần chiếu tục cũng khác. Vì sao ba người cùng nghe nhị đế mà sự hiểu biết có sai biệt? Đây là bất cộng bát-nhã, so với hàng Nhị thừa có cạn sâu khác biệt.

Kinh Đại Phẩm nói: “Có Bồ-tát mới phát tâm tương ưng với tát-bà-nhã (nhất thiết trí); có Bồ-tát mới phát tâm liền du hí thần thông các cõi Phật thanh tịnh; có Bồ-tát mới phát tâm liền ngồi đạo tràng như Phật”, là ý này vậy. Huyền có, huyền không là tục; chẳng

có chẳng không là chân. Hai thứ có và không nên gọi là tục; trung đạo chẳng có chẳng không bất nhị là chân. Nhị thừa nghe nói chân tục này cùng chung, họ chẳng hiểu gì cả như kẻ điếc, kẻ mù.

Kinh Đại Niết-bàn nói: “Ta với Di-lặc cùng luận thế đế, năm trăm Thanh văn nghe được cho rằng Phật nói chân đế”, là ý này vậy. Y cứ đây cũng có ba nghĩa tùy tình, tùy tình trí, tùy trí.

Nhị đế viên giáo nhập biệt giáo, tục đế với biệt giáo đồng, chân đế thì khác. Người theo biệt giáo chỉ có lý bất không mà thôi, muốn hiển bày lý này cần phải duyên tu phương tiện nên nói tất cả pháp hướng về bất không. Người theo viên giáo nghe nói lý bất không liền biết rằng đầy đủ tất cả Phật pháp không khuyết giảm, nên nói tất cả hướng về bất không. Y cứ đây cũng có ba nghĩa tùy tình v.v...

Hai đế viên giáo, nói thẳng hai đế bất tư nghi. Chân là tục, tục là chân, như hạt châu như ý, hạt châu dụ cho chân, dụng dụ cho tục. Tức chân là dụng, tức dụng là chân; chẳng hai mà hai, phân ra chân tục. Y cứ đây cũng có ba nghĩa tùy tình, v.v...

Thân Tử có bài kệ:

Phật dùng các thứ duyên

Thí dụ khéo diễn nói

Tâm ấy yên như biển

Ta nghe dứt lưới nghi.

Hỏi: Chân tục đối đãi nhau tại sao chẳng đồng ?

Đáp: Đây có bốn trường hợp: tục dị chân đồng, chân dị tục đồng, chân tục dị tương đối, chân tục bất dị mà dị tương đối. Tam Tạng giáo cùng thông giáo chân đồng mà tục dị; thông giáo chân dị mà tục đồng; biệt giáo chân tục đều dị mà đối nhau; viên giáo chân tục bất dị mà dị đối nhau chẳng đồng mà đồng, nếu chẳng tương nhập sẽ chia ra chân tục là đối nhau; bảy thứ nhị đế rộng nói như trên.

Lược nói thì giới nội tương tức, bất tương tức; giới ngoại tương tức, bất tương tức, có bốn thứ nhị đế. Biệt giáo tiếp thông giáo có

năm thứ nhị đế; viên giáo tiếp thông giáo có sáu thứ nhị đế. Viên giáo tiếp biệt giáo có bảy thứ nhị đế.

Hỏi: Vì sao chẳng tiếp Tam tạng giáo ?

Đáp: Tam tạng giáo là giới nội bất tương tức, Tiểu thừa thủ chúng những người căn bại nên chẳng nối tiếp thứ sáu còn lại là môn ma-ha-diễn, nếu muốn tiến tới cũng có thể, cho nên được nối tiếp.

Hỏi: Nếu chẳng nối tiếp thì cũng chẳng thể hội sao ?

Đáp: Nghĩa nối tiếp chẳng phải nghĩa thể hội. Lúc chưa thể hội thì lấy nối tiếp để phán định thô diệu; pháp môn bán tự thật có nhị đế giúp kẻ độn căn dứt trừ hí luận, nghĩa nhị đế chẳng thành, pháp này là thô; pháp môn mãn tự như huyền nhị đế chỉ dạy người lợi căn về thật tướng của các pháp, ba hạng người cùng được, pháp này là diệu. Đồng thấy đăn không là thô; vì biệt giáo vào thông giáo hay thấy bất không là diệu. Giáo nói lý chẳng dung là thô; từ viên giáo vào thông giáo là diệu. Diệu chẳng khác về sau bám vào phương tiện của thông giáo nên là thô; nhị đế của biệt giáo chẳng bám vào phương tiện của thông giáo nên là diệu. Giáo nói lý chẳng dung nên là thô; viên giáo vào biệt giáo lý dung là diệu. Bám vào phương tiện của biệt giáo là thô; hai đế của viên giáo dứt khoát bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng nên là diệu.

Kê là y cứ tùy tình trí v.v... phán định thô diệu: Theo Tam tạng giáo, ban đầu nghe nói tùy tình nhị đế liền chấp thật ngữ là hư ngữ, khởi ngữ kiến nên chịu sinh tử triền miên, không có khí phần Phật pháp. Nếu hay siêng tu niệm xứ phát bốn thiện căn, lúc ấy tùy tình nhị đế đều gọi là tục, phát được nhị đế vô lậu sở chiếu đều gọi là chân. Từ bốn quả, con người dùng trí vô lậu soi chiếu chân tục đều gọi là tùy trí nhị đế, tùy tình thì thô, tùy trí thì diệu. Ví như chuyển sữa thành lạc; đã thành lạc thì tin tưởng thể của tâm ra vào không khó, đây là được tùy tình, tùy tình trí, tùy trí, nói thông giáo biệt giáo nhập thông giáo, viên giáo nhập thông giáo khiến họ chán Tiểu thừa hâm mộ Đại thừa, chê hạt giống hư bại, khát ngưỡng

thượng thừa. Khi ấy như chuyển lạc làm sinh tô, tâm dần dần thông thái, đây là tùy tình, tùy tình trí, tùy trí, nói biệt giáo viên giáo nhập biệt giáo, nói về bát-nhã bất cộng, có sứ mạng nhận lãnh gia nghiệp, vàng bạc châu báu ra vào lấy cho đều khiến họ biết. Đã biết rồi thì như chuyển sinh tô thành thực tô, sau đó cần phải nói chân thật các Phật pháp, đây là tùy tình, tùy tình trí, tùy trí, nói nhị đế của viên giáo, như chuyển thực tô thành đề hồ. Đây là sáu thứ nhị đế làm thuần thực chúng sinh, vì thành bốn vị nên là thô, một vị đề hồ gọi là diệu.

Gom lại để phán định thô diệu: Hai giáo trước tuy có tùy trí v.v... nhưng chỉ theo tùy tình, nói ý ngữ của người nên gọi là thô. Biệt giáo nhập thông giáo tuy có tùy tình v.v... nhưng chỉ theo tùy trí, nói ý ngữ của mình và người nên vừa thô vừa diệu. Nhị đế viên giáo tuy có tùy tình v.v... nhưng chỉ theo tùy trí, nói về tự trí của Phật và tự ý ngữ của Phật, nên gọi là diệu.

Hỏi: Nhị đế của hai giáo trước chỉ theo tùy tình thì lẽ ra chẳng thể thấy chân lý, cũng chẳng đắc đạo ?

Đáp: Vì chẳng được trung đạo nên gọi tùy tình. Chư Phật Như Lai chẳng uổng nói pháp, tuy chẳng phải trung đạo đệ nhất nghĩa tất-đàn, nhưng chẳng mất đi lợi ích của ba tất-đàn. Đại khái phán định đều thuộc tùy tình là thô vậy.

Kê đến nói về tam đế: Hai thứ nhị đế trước chẳng phải diệu vì chẳng nói về trung đạo. Căn cứ vào năm thứ nhị đế luận về trung đạo là có năm thứ tam đế. Y cứ biệt giáo nhập thông giáo, xem xét chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, thành lập nghĩa tam đế, hữu lậu là tục, vô lậu là chân, phi hữu lậu phi vô lậu là trung. Giáo ấy nói về trung chỉ khác với không mà thôi, trung không có công dụng chẳng đủ các pháp.

Nói về tam đế của viên giáo nhập thông giáo, nhị đế chẳng khác trước, xem xét chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, đủ tất cả pháp, khác với trung ở trước.

Nói về tam đế của biệt giáo, hai đế kia là tục, đối chân là trung, chỉ có lý trung đạo mà thôi.

Nói về tam đế của viên giáo nhập biệt giáo, nhị đế chẳng khác với trước, xem xét chân trung đạo, đầy đủ Phật pháp.

Nói về tam đế của viên giáo, không chỉ trung đạo đầy đủ Phật pháp, chân tục cũng thế. Tam đế viên dung, nhất tâm tam nhất phán định thô diệu, biệt giáo viên giáo nhập thông giáo bám vào phương tiện của thông giáo nên là thô, biệt giáo chẳng bám vào thông giáo là diệu. Viên giáo nhập biệt giáo bám vào phương tiện của biệt giáo là thô, viên giáo chẳng bám vào phương tiện là diệu.

Y cứ ngũ vị giáo, giáo lý về sữa nói ba thứ tam đế hai thô một diệu; giáo lý về lạc chỉ có thô không có diệu; giáo lý về sinh tô, thực tô đều nói năm thứ tam đế bốn thô một diệu.

Kinh này chỉ có một loại tam đế là diệu tương đãi. Khai thô hiển diệu, là quyết định những thô trước nhập một diệu, tam đế không còn chỉ đối đãi, đây là diệu tuyệt đãi.

Nói về nhất đế, *kinh Đại Niết-bàn* nói: “Nói nhị đế nhưng thật ra chỉ là một”, phương tiện nói hai như người say thấy mặt trời mặt trăng quay cuồng, người tỉnh thấy mặt trời chẳng quay cuồng. Quay cuồng là thô, chẳng quay cuồng là diệu. Tam tạng giáo toàn là chuyển giống như người say. Các kinh Đại thừa dựa vào chuyển nói chẳng chuyển.

Hiện tại kinh dứt khoát bỏ phương tiện chỉ nói về đạo vô thượng, chẳng chuyển nhất thật nên là diệu.

Nói về các đế bất khả thuyết, các pháp từ xưa đến hay thường tự tịch diệt tướng thì làm sao các đế lý phức tạp chướng ngại nhau. Một đế lý đã không, các đế lý làm sao có, mỗi mỗi đều bất khả thuyết, khả thuyết là thô, bất khả thuyết là diệu; bất khả thuyết cũng bất khả thuyết là diệu càng diệu, vì đường ngôn ngữ dứt.

Nếu tất cả đều bất khả thuyết, sinh sinh bất khả thuyết, cho đến bất sinh bất sinh bất khả thuyết, sinh sinh bất khả thuyết là thô, bất sinh bất sinh bất khả thuyết là diệu.

Nếu thô khác với diệu, đối đãi nhau chẳng viên dung, nếu thô diệu chẳng hai là diệu tuyệt đãi.

Hỏi: Tại sao Đại thừa, Tiểu thừa đều nói vô đế ?

Đáp: Thích luận nói: “Chẳng phá niết-bàn được chứng trong tâm bậc Thánh, vì người chưa chứng đắc chấp niết-bàn sinh hí luận như duyên vô sinh, nên phá mà nói vô đế”.

Hỏi: Nếu vậy đều phá cả Nhị thừa đắc và chưa đắc, thì cũng nên phá luôn Đại thừa đắc và chưa đắc ?

Đáp: Chẳng thể sánh với Tiểu thừa, vì họ còn phiền não để trừ, chân lý để hiển nên cần được phá; trung đạo chẳng phải thế làm sao phá ?

Hỏi: Nếu vậy trung đạo chỉ nên có một thật đế, chẳng nên nói vô đế ?

Đáp: Người chưa đắc chấp trung đạo sinh phiền não nên phải nói vô đế. Thật được là có, hí luận là không.

Theo luận Duy Thức, nơi hai đế chân tục gọi là khai bốn lớp thành tám đế:

- Bốn thứ tục đế:

1- Giả danh vô thật đế, nghĩa là bình, chậu v.v... chỉ có giả danh không có thật thể, theo năng thuyên mà nói nên gọi là đế.

2- Tùy sự sai biệt đế, nghĩa là uẩn, giới v.v... theo các sự việc lập ra pháp uẩn v.v...

3- Phương tiện an lập đế, nghĩa là khổ, tập v.v... do chứng đắc lý mà an lập.

4- Giả danh phi an lập đế, nghĩa là lý nhị không, nương nơi không môn nói là chân tính, do chân tính nội chứng trí cảnh; chẳng thể nói năng gọi là nhị không như, vì chỉ giả nói.

- Bốn thứ thắng nghĩa đế:

1- Thể dụng hiển hiện đế, nghĩa là uẩn, giới v.v... có thể tính chân thật vượt hơn tục đế ban đầu gọi là thắng nghĩa, tùy sự sai biệt nói là uẩn v.v... nên gọi là hiển hiện.

2- Nhân quả sai biệt đế, nghĩa là khổ, tập v.v... trí đoạn chứng tu nhân quả sai biệt.

3- Y môn hiển thật đế, nghĩa là lý nhị không vượt hơn tục chứng đắc nên gọi là thắng nghĩa; nương vào không có thể chứng để hiển thật nên gọi là y môn.

4- Phế thuyên đàm chỉ đế, nghĩa là nhất thật chân như thể diệu ly ngôn nên gọi là thắng nghĩa.

Lại chân chẳng tự chân, đối đãi với tục nên chân là ba thứ chân trước cũng gọi là tục. Tục chẳng tự tục, đối đãi với chân nên tục là ba thứ tục sau cũng gọi là chân. Chí lý nhiệm mầu càng thử nghiệm nơi đây. Theo *kinh Hoa Nghiêm*, y cứ viên giáo lập ra mười đế, cho đến mỗi mỗi pháp viên dung vô tận.
